

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HS-ST

Ngày: 14/4/2025

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hữu Hiệu

*Thẩm phán:* Bà Đoàn Thị Thu Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Vũ Thị Dung

Ông Lê Đức Bền

Ông Hoàng Sĩ Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Nhung, bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Thị H**, sinh ngày 01/10/1974; CCCD số 030174001020; nơi đăng ký thường trú: Khu C, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương; nơi ở: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M và bà Lê Thị N; bị cáo không có chồng và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22/6/2024 đến ngày 26/6/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

2. **Nông Văn V**, sinh ngày 23/12/1982; CCCD số 015082001711; nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T và bà Chu Thị V1; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22/6/2024 đến ngày 26/6/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

3. **Hoàng Văn H1**, sinh ngày 20/02/1982; CCCD số 015082004551; nơi đăng ký thường trú: Bản Hán, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T1 và bà Hoàng Thị Ú; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22/6/2024 đến ngày 26/6/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

**4. Giàng A H2** (tức H3), sinh ngày 26/7/1988; CCCD số 015088000621; nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A C và bà Lý Thị L; có vợ và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HS-ST ngày 04/5/2017, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xử phạt 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2019, nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 08/6/2017; bị tạm giữ từ ngày 29/8/2024 đến ngày 05/9/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

**5. Hoàng Thị N1**, sinh ngày 01/01/1958; CCCD số 015158000656; nơi đăng ký thường trú: Thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Í và bà Hà Thị Ý; có chồng và 05 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22/6/2024 đến ngày 26/6/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị N1:* Luật sư Phan Thị Bình M1 - Văn phòng L2, Đoàn luật sư tỉnh H; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị H và Nông Văn V:* Luật sư Vũ Xuân B - Văn phòng L3, Đoàn luật sư tỉnh H; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Giàng A H2:* Luật sư Trần Trung K - Văn phòng L3, Đoàn luật sư tỉnh H; có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn H1:* Ông Phạm Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; có mặt.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Thế Q, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

+ Anh Hoàng Mạnh H4, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu C, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

+ Anh Trần Mĩ N2, sinh năm 1990; địa chỉ: Số A T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

+ Anh Đỗ Văn V2, sinh năm 1978; địa chỉ: Số A T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

+ Anh Vũ Đức T2, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu C, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương; có mặt.

+ Chị Phạm Thị T3, sinh năm 2005; địa chỉ: Số A N, tổ dân phố D, xã M, thị xã M, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

+ Chị Lý Thị D1, sinh năm 1983; địa chỉ: Bản H, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái; có mặt.

+ Chị Hà Thị H5, sinh năm 1976; địa chỉ: Số B đường N, Tổ H, phường P, thị xã N, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

+ Chị Lò Thị H6, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái; có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số A T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

+ Anh Lê Tiến M2, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Ngọc C1, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2023, Phạm Thị H quen biết Hoàng Văn H1. H đặt vấn đề mua ma túy của H1 bán kiếm lời, Hợp đồng ý. H sử dụng điện thoại Samsung Galaxy A12 lắp sim số 0988.073.125 và sim số 0385.033.698 để liên lạc với số điện thoại 0395.396.982 của H1 trao đổi về việc mua bán ma túy.

Ngày 17/6/2024, H dùng tài khoản Zalo “H” đăng ký số điện thoại 0385.033.698 gọi đến tài khoản Zalo “Hoàng Văn N3” của H1, đăng ký bằng số điện thoại 0395.396.982 đặt mua 90.000.000đ ma túy, loại Heroine. Ngày 18/6/2024, H chuyển 90.000.000đ đến số tài khoản 8710205160536 của H1 mở tại A.

Ngày 18/6/2024, H1 gọi đến số điện thoại 0372.798.600 của Nông Văn V bảo V đi mua ma túy cho H1. V gọi điện cho Giàng A H2 hỏi mua ma túy và thống nhất H2 đem ma túy đến nhà V. Ngày 19/6/2024, H1 đến nhà V tại thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái; H1 đưa cho H2 70.000.000đ, H2 đưa cho H1 01 túi nilon màu trắng, bên trong có ma túy loại Heroine. Hợp cất số ma túy vào bao gạo, ghi số điện thoại của H phía ngoài bao gạo rồi đem ra Quảng trường thị xã N thuê anh Nguyễn Thế Q, sinh năm 1992, trú tại: Khu C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương là phụ xe khách Mai T4 chạy tuyến Yên Bái - Hải Dương mang về Quán G, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương gọi điện cho H ra nhận hàng. Sau đó H1 quay lại nhà V đưa cho V 3.000.000đ tiền công, số còn lại H1 hưởng lợi.

Khoảng 20 giờ ngày 19/6/2024, H đang chở bao gạo, bên trong có chứa ma túy của H1 trên xe đạp điện đi đến ven đường Q thuộc địa phận Quán G, xã V, huyện B thì bị lực lượng Công an kiểm tra thu giữ: 01 túi nilon màu đen, kích

thước khoảng (19x29)cm, được quấn bằng dây gai màu trắng; bên trong túi nilon màu đen là 01 túi nilon màu trắng có 173,424g ma túy, loại Heroine; 01 cân điện tử màu đen; 01 xe đạp điện (đã qua sử dụng) và 01 điện thoại Samsung Galaxy A12.

Hồi 00 giờ 20 phút ngày 20/6/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện B khám xét khẩn cấp chỗ ở của H tại khu H, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương (nhà bố mẹ H) do chị Nguyễn Thị D (em dâu H) đang quản lý, sử dụng, thu giữ 18,766 gam ma túy loại Heroine và 8,216 gam ma túy loại nhựa thuốc phiện H cất giấu dưới gầm bàn thờ để bán.

Kết quả điều tra xác định: Ngày 17/5/2024, H liên lạc qua ứng dụng Zalo đến tài khoản zalo của Hoàng Thị N1 (zalo tên Ly B1, đăng ký bằng số điện thoại 0348.474.045) đặt mua ma túy loại Heroine và thuốc phiện với số tiền 90.000.000đ (trong đó 5.000.000đ là tiền công H trả cho N1), hai bên thỏa thuận H chuyển tiền cho Hoàng Văn H1. Sáng ngày 19/5/2024, H chuyển 90.000.000đ đến tài khoản A số 8710205160536 của H1 để nhờ H1 rút tiền đưa cho N1. Sau khi nhận được tiền, H1 đến cửa hàng tạp hóa “Hoa Lạc” ở phường P, thị xã N, tỉnh Yên Bái nhờ chị Hà Thị H5, sinh năm 1976, trú tại: số B đường N, Tổ H, phường P, thị xã N, tỉnh Yên Bái rút đổi 80.000.000đ tiền mặt; 10.000.000đ còn lại H1 chuyển đến tài khoản của D1 (vợ H1) và lấy tiền mặt từ chị D1. Sau đó H1 đem 90.000.000đ đến đưa cho N1. N1 đem theo 85.000.000đ đến nhà Nông Văn Vượng mua của V ma túy Heroine (là 01 khối hình chữ nhật, được bọc trong túi nilon màu đen); Nghiên cho ma túy vào bao lá thuốc đắng và gửi xe khách về cho H; khi gửi xe thì nhà xe cho N1 01 card có số điện thoại của nhà xe; Nghiên đưa card này cho H1 (có hình ảnh trong Zalo Hộp chụp gửi cho H) để H1 thông báo cho H về việc đã gửi ma túy. Sau đó, N1 chia cho V 1.000.000đ; chia cho H1 2.000.000đ, N1 hưởng lợi 2.000.000đ.

Khoảng 18 giờ ngày 19/5/2024, H nhận bao hàng có chứa ma túy đem về nhà, chia nhỏ số ma túy thành nhiều phần khác nhau, gói bằng các mảnh nilon màu đen. Sau đó, H đã bán phần lớn ma túy cho một người đàn ông ở M, huyện C, tỉnh Hải Dương được 85.000.000đ; còn lại 18,766 gam ma túy Heroine và 8,216 gam nhựa thuốc phiện Huệ cất giấu tại gầm bàn thờ nhà bố mẹ H để bán, chưa kịp bán thì bị phát hiện, thu giữ.

Tại Kết luận giám định số 324 ngày 23/6/2024, Phòng K1 - Công an tỉnh H kết luận: Mẫu các cục chất bột màu trắng, trong túi nilon màu trắng, miệng túi có dây buộc màu nâu, có tổng khối lượng là 173,424 gam là ma túy, loại Heroine. Mẫu chất bột (dạng cục) màu trắng trong 05 gói giấy bạc, đều được bọc bằng nilon màu trắng có tổng khối lượng 18,766 gam là ma túy loại Heroine. Mẫu chất dẻo màu nâu được gói trong mảnh vỏ bao bì bim bim hiệu oishi trong túi nilon màu trắng, bên ngoài là túi nilon dạng túi zip có khối lượng 8,216 gam là ma túy, loại thuốc phiện. Chất bột màu trắng bám dính trên bề mặt cân điện tử màu đen, gửi đến giám định là ma túy loại Heroine; lượng mẫu bám dính rất nhỏ nên không xác định được khối lượng.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKS-P1 ngày 22/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Phạm Thị H tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, truy tố Nông Văn V, Hoàng Văn H1, Giàng A H2 và Hoàng Thị N1 tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng ý về tội danh, điều khoản pháp luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo và đề nghị xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất có thể.

Chị Phạm Thị T3 xác định xe đạp điện bị cáo H sử dụng ngày 19/6/2024 là xe bị cáo H mượn của chị T3, chị T3 không biết bị cáo H sử dụng xe vào việc phạm tội và đề nghị được nhận lại chiếc xe trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị H 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/6/2024.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H1 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/6/2024

Xử phạt bị cáo Nông Văn V 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/6/2024

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giàng A H2 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/8/2024.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm m, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị N1 từ 17 năm đến 18 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/6/2024.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48, Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo thu lời bất chính từ hành vi phạm tội. Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy đã thu giữ trong vụ án do cơ quan giám định hoàn lại. Tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước các vật chứng gồm: 01 cân điện tử màu đen; 01 điện thoại Samsung A12 thu giữ của bị cáo H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu giữ của bị cáo H1; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A14 thu giữ của bị cáo N1; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus thu giữ của bị cáo V; 01 (một)

điện thoại Nokia màu đen, 01 (một) điện thoại OPPO, kiểu máy CPH2365, thu giữ của bị cáo H2. Trả lại cho chị Phạm Thị T3 chiếc xe đạp điện nhãn hiệu Gogonew màu đen xám, đã qua sử dụng. Đối với sim số điện thoại các bị can sử dụng để liên lạc mua bán ma túy, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đã có văn bản gửi Cục B2 để thu hồi về kho sim số theo quy định tại Điều 9 và Điều 53 Luật Viễn thông. Kiến nghị với A - Chi nhánh Y thu hồi thẻ ngân hàng của bị cáo H1 dùng vào việc phạm tội.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, kết luận giám định, các sao kê tài khoản ngân hàng của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/5/2024, tại nhà của Nông Văn V tại thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái, V bán cho Hoàng Thị N1 01 gói ma túy (*không rõ khối lượng*) với số tiền 85.000.000 đồng. Cùng ngày, N1 và Hoàng Văn H1 bán số ma túy trên (*gửi xe khách*) cho Phạm Thị H với số tiền 90.000.000đ. Nghiên hưởng lợi 2.000.000đ; H1 hưởng lợi 2.000.000đ; V hưởng lợi 1.000.000đ. H bán một phần ma túy mua được của Hoàng Thị N1 cho một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ tại M, C được 85.000.000đ; còn lại 18,766 gam ma túy Heroine, H cất giấu cùng với 8,216 gam ma túy loại nhựa thuốc phiện tại gầm bàn thờ nhà bố mẹ H ở khu H, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương để bán.

Ngày 19/6/2024, tại nhà Nông Văn Vượng ở thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái, Giàng A H2 bán cho V và H1 173,424 gam ma túy loại Heroine với số tiền 70.000.000đ. Cùng ngày, H1 bán số ma túy trên (*gửi xe khách*) cho Phạm Thị H với số tiền 90.000.000đ. H được hưởng lợi 5.000.000đ; V hưởng lợi 3.000.000đ; H1 hưởng lợi 16.680.000đ. Phạm Thị H đã nhận được ma túy từ Hợp nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện, bắt quả tang hồi 20 giờ ngày 19/6/2024 tại Quốc lộ E, địa phận Q, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ quy định của pháp luật về việc cấm mua bán trái phép các chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện vì vụ lợi. Hành vi của bị cáo Phạm Thị H đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo Hoàng Văn H1, Nông Văn V, Giàng A H2 và Hoàng Thị N1 đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

Trong vụ án này các bị cáo đều là người thực hành, trong đó Phạm Thị H, Hoàng Văn H1 và Nông Văn V phải chịu trách nhiệm với cả hai lần phạm tội; Hoàng Thị N1, Giàng A H2 chịu trách nhiệm với một lần phạm tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo H, H1, V phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo N1 và H2 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H tự thú hành vi phạm tội ngày 19/5/2024 khai ra đồng phạm nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo N1 không biết chữ, sống ở khu vực vùng sâu, vùng xa nên chiếu cố áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo V, N1, H2, H1 đều là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế; bị cáo V có bố đẻ tham gia dân công hỏa tuyến; bị cáo H2, H1 đầu thú nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Giàng A H2 đã từng bị kết tội Mua bán trái phép chất ma túy, nhân thân xấu. Các bị cáo khác đều chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

[5] Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục các bị cáo. Bị cáo N1 không phải chịu tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiện đã 67 tuổi, thực hiện một hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ trừng trị, giáo dục bị cáo đồng thời thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Toàn bộ số tiền các bị cáo thu lời bất chính từ hành vi phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Toàn bộ số ma túy thu giữ sau giám định hoàn lại là chất Nhà nước cấm lưu hành, các thẻ sim điện thoại thu giữ của các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu cho hủy bỏ.

Đối với 01 điện thoại Samsung A12 thu giữ của bị cáo H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu giữ của bị cáo H1; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A14 thu giữ của bị cáo N1; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus thu giữ của bị cáo V; 01 (một) điện thoại Nokia màu đen; 01 (một) điện thoại OPPO, kiểu máy CPH2365 thu giữ của bị cáo H2 là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu cho phát mãi sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 thùng catton số 01 bên trong gồm 01 bao dứa màu trắng có chữ buộc miệng bao bằng dây màu xanh, 01 bao dứa màu đỏ buộc dây màu xanh chứa khoảng 20kg gạo (bao đựng gạo bị rách, thủng), 01 túi nilon màu đen, 01 dây gai màu trắng, 01 túi nilon màu đen bên trong có 01 túi nilon màu trắng, 01 tờ giấy màu vàng; 02 thùng catton số 02 và số 03 bên trong 02 thùng catton gồm 02 túi nilon màu đen, 01 túi zip trong suốt không màu, 06 mảnh nilon màu đen, 01 túi nilon màu xanh, 01 túi nilon màu hồng, 05 túi nilon trong suốt các mảnh giấy bạc là những vật chứng không có giá trị sử dụng được nên cần tịch thu và tiêu hủy.

Chiếc xe điện nhãn hiệu Gogonew màu đen xám, đã qua sử dụng là xe của chị Phạm Thị T3 cho bị cáo H mượn, chị T3 không biết bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội nên cần trả lại chiếc xe cho chị T3.

Đối với số thuê bao điện thoại các bị cáo sử dụng để liên lạc mua bán ma túy; ngày 25/11/2024, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đã có văn bản gửi Cục B2 đề thu hồi về kho sim số theo quy định tại Điều 9 và Điều 53 Luật Viễn thông nên không đặt ra xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo N1 là người trên 60 tuổi, bị cáo H1 là người dân tộc thiểu số sống tại khu vực đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đối với người bán chất ma túy cho Giàng A H2 và Nông Văn V, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đã truy tìm, xác minh nhưng không xác định được là ai, ở đâu, nên không có căn cứ, cần tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý. Đối với chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Thế Q, chị Hà Thị H5, chị Lý Thị D1 không biết việc H, H1 mua bán ma túy nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 251, điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Thị H;

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Nông Văn V và Hoàng Văn H1;

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Giàng A H2;

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, điểm m, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với Hoàng Thị N1;

Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị H, Hoàng Văn H1, Nông Văn V, Giàng A H2 và Hoàng Thị N1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

3. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/6/2024.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H1 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/6/2024.

- Xử phạt bị cáo Nông Văn V 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/6/2024.

- Xử phạt bị cáo Giàng A H2 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/8/2024.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị N1 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/6/2024.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

5. Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

5.1. Biện pháp tư pháp: Tịch thu của bị cáo Phạm Thị H số tiền 85.000.000 đồng, của bị cáo Hoàng Văn H1 số tiền 18.680.000 đồng, của bị cáo Hoàng Thị N1 số tiền 2.000.000 đồng, của bị cáo Nông Văn V 4.000.000 đồng, của bị cáo Giàng A H2 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

5.2. Vật chứng:

- Tịch thu cho hủy bỏ toàn bộ lượng ma túy do Cơ quan giám định hoàn lại đựng trong 01 bì thư niêm phong số 324/KL-KTHS, ký hiệu T1; 01 hộp giấy niêm phong số 324/KL-KTHS, ký hiệu T2; 01 hộp niêm phong số 324/KL-KTHS, ký hiệu T3.

- Tịch thu 01 điện thoại Samsung A12 của bị cáo H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của bị cáo H1; 01 điện thoại di động Sam sung Galaxy A14 của bị cáo N1; 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus của bị cáo V; 01 (một) điện thoại

Nokia màu đen, 01 (một) điện thoại OPPO, kiểu máy CPH2365 của bị cáo H2 cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 thùng catton số 01 bên trong gồm 01 bao dứa màu trắng có chữ buộc miệng bao bằng dây màu xanh, 01 bao dứa màu đỏ buộc dây màu xanh chứa khoảng 20kg gạo (bao đựng gạo bị rách, thủng), 01 túi nilon màu đen, 01 dây gai màu trắng, 01 túi nilon màu đen bên trong có 01 túi nilon màu trắng, 01 tờ giấy màu vàng; 02 thùng catton số 02 và số 03 bên trong 02 thùng catton gồm 02 túi nilon màu đen, 01 túi zip trong suốt không màu, 06 mảnh nilon màu đen, 01 túi nilon màu xanh, 01 túi nilon màu hồng, 05 túi nilon trong suốt các mảnh giấy bạc.

- Tịch thu cho tiêu hủy thẻ sim điện thoại số 0947.823.846, thẻ sim điện thoại số 0947.751.842 của bị cáo H2.

- Trả lại chị Phạm Thị T3 01 xe điện nhãn hiệu Gogonew màu đen xám, đã qua sử dụng.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận tài sản, vật chứng ngày 04/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương)

6. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Thị H, Nông Văn V, Giàng A H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Thị N1 và Hoàng Văn H1.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT – CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV – CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS – CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hữu Hiệu**